

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 15 - 6 - 2022

V/v: Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trưởng;

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Anh Xuân Ngọc - Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị Nh**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Xóm M, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2022 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị Nh trình bày:

- Về hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Văn Th tự nguyện kết hôn vào ngày 27/5/2013, có đăng ký tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng ở xóm M, xã V. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, đến cuối năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đó cho tới nay. Nguyên nhân, là do anh Th thường hay uống rượu, ghen tuông vô cớ, hai bên sống không hòa hợp nhau. Chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

- Về con chung: Chị và anh Th không có con chung.

- Về con riêng: Chị có 01 con riêng trước khi kết hôn với anh Th, tên cháu là Phùng Mai Linh, sinh ngày 10/03/2011. Chị sẽ có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Linh, không liên quan gì đến anh Th.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Phía Bị đơn, anh Nguyễn Văn Th:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Th đều vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 5 năm 2022 bà Hà Thị Kim H là mẹ đẻ anh Th, bà H cho biết: Anh Th, chị Nh có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, và ở chung với bà. Trong cuộc sống, anh Th, chị Nh có xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên đã ly thân từ năm 2015. Anh Th, chị Nh không có con chung. Nay chị Nh xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nh và anh Th được ly hôn.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị Nh và anh Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung của vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nh; cho chị Nh được ly hôn anh Th. Về con chung: Chị Nh và anh Th không có con chung; về con riêng của chị Nh, chị Nh khẳng định có trách nhiệm nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Th có nghĩa vụ gì nên không xem xét. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Nh phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Phùng Thị Nh có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Th, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng cho anh Th, tuy nhiên anh Th cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây

là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Th. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh Th trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 27/5/2013, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Nh cho rằng vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc; thường xuyên có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi, chửi nhau. Chị và anh Th đã ly thân từ năm 2015, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th nên chị xin ly hôn để giải phóng cho nhau. Phía anh Th, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy báo nhưng cố tình trốn tránh không đến Tòa án để trình bày quan điểm.

Để thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Nh, anh Th Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư, UBND xã V và Hội phụ nữ xã V thấy rằng: Lời trình bày của chị Nh về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Th là hoàn toàn đúng. Đại diện gia đình anh Th là bà Hà Thị Kim H (là mẹ đẻ anh Th) cũng xác định tình trạng vợ chồng chị Nh và anh Th như chị Nh trình bày; bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị Nh và anh Th ly hôn.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nh, anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; hai bên không hợp tác hòa giải và không có biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nh đối với anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Anh Th và chị Nh không có con chung.

2.3. Về con riêng: Cháu Phùng Mai L, sinh ngày 10/03/2011 là con riêng của chị Nh. Chị Nh có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, đồng thời chị Nh không yêu cầu anh Th có trách nhiệm nuôi dưỡng cùng chị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.4. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th cố ý vắng mặt nên chưa có yêu cầu về những vấn đề này.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị Nh, anh Th có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.5. *Về án phí*: Chị Nh là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.6. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

2.7. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Phùng Thị Nh. Cho chị Phùng Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.
2. *Về nuôi con chung*: Chị Nh và anh Th không có con chung.
3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phùng Thị Nh phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nh đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2020/0007402 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.
5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nh và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Minh Đài;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai